TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 358/2023/DS-PT
Ngày: 03/8/2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và chia thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Mỹ;

Các Thẩm phán: - Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

- Ông Phạm Minh Tùng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hồng Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Ngày 03tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 388/2022/TLPT-DS, ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và chia thừa kế*"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 144/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị E, sinh năm 1937;

Địa chỉ: số B, Tổ E, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên lạc: số B, khu D, ấp E, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà E: Anh Triệu Trọng Đ, sinh năm 1989; Địa chỉ: số C, đường N, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Hợp đồng ủy quyền ngày 30/9/2022).

2. Bị đơn: Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1962;

Địa chỉ: số B, tổ E, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Anh Trần Huỳnh V, sinh năm 1986; Địa chỉ: tổ D, khóm A, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 22/4/2021).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Thu B, sinh năm 1966;

Địa chỉ: tổ E, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và đang cư trú: số 25, khu D, ấp E, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

3.2. Ông Lâm Văn L, sinh năm 1960;

Địa chỉ: số B, tổ E, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Chị Lâm Thị Tuyết N, sinh năm 1991;

3.4. Chị Lâm Thị Tuyết N1, sinh năm 1993;

3.5. Chị Lâm Thị Tuyết N2, sinh năm 1998;

3.6. Chị Lâm Thị Tuyết N3, sinh năm 2002;

Cùng địa chỉ: số B, tổ E, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L, chị N, chị N1, chị N2, chị N3: Anh Trần Huỳnh V, sinh năm 1986; Địa chỉ: tổ D, khóm A, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 22/4/2021, ngày 17/5/2021).

3.7. Anh Nguyễn Võ Trí T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Số B, tổ E, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bà Trần Thị E là nguyên trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Trần Thị E do anh Triệu Trọng Đ đại diện trình bày:

Trước năm 1975, bà E và chồng là ông Nguyễn Văn N4 (1937- 1967) được gia đình ông N4 cho diện tích đất lúa 4.600,5 m^2 và đất nền nhà 258,5 m^2, tọa lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi ông N4 chết, bà E quản lý và sử dụng toàn bộ phần diện tích đất. Bà E và ông Nguyễn Văn N4 có 03 con chung tên: Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1962; Nguyễn Văn Hùng V1 (sinh năm 1964; chết năm 1989, không có vợ con) và Nguyễn Thị Thu B, sinh năm 1966.

Năm 2002, bà E đi đăng ký và được Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố C) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 847422, ngày 24/10/2002, diện tích 4.600,5 m^2, thuộc thửa số 37, tờ bản đồ số 17, mục đích sử dụng đất lúa, tọa lạc tại ấp T, xã T, thành phố C. Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi đất cấp cho hộ bà Trần Thị E. Tại thời điểm này trong hộ bà E chỉ có một mình bà E.

Năm 2003, bà E đi đăng ký và được Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố C) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 385884, cấp ngày 27/11/2003, diện tích 258,5 m^2, thuộc thửa số 167, tờ bản đồ số 20, mục đích sử dụng đất thổ, tọa lạc tại xã T, thành phố C. Tháng 11/2020, do có nhu cầu tách thửa để tặng cho tài sản cho các con nên bà E đã làm thủ tục tách phần diện tích

đất lúa 4.600,5 m^2, thuộc thửa số 37, tờ bản đồ số 17 thành 02 giấy chứng nhận QSDD cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 660086, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 02/11/2020, diện tích 3.314,9 m^2 thuộc thửa số 164, tờ bản đồ số 17 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 660085, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 02/11/2020, diện tích 1.285,6 m^2 thuộc thửa số 163, tờ bản đồ số 17 do hộ bà Trần Thị E, tọa lạc ấp T, xã T, TP C, Đồng Tháp.

Do các con không thống nhất nên đến tháng 12/2020, bà E tiếp tục nhập 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lúa trên và tách thành 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ thể như sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 426034, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 09/12/2020, diện tích 1.485,9 m^2, thuộc thửa số 166, tờ bản đồ số 17; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 426035, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 09/12/2020, diện tích 1.505,5 m^2, thuộc thửa số 167, tờ bản đồ số 17; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 426036, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 09/12/2020, diện tích 1.609,1 m^2, thuộc thửa số 168, tờ bản đồ số 17, tọa lạc ấp T, xã T,TP C, tỉnh Đồng Tháp.

Khi ông N4 chết không để lại di chúc, trong khối tài sản trên ½ diện tích là của bà E, ½ là di sản thừa kế. Phần di sản thừa kế gồm:

½ phần diện tích 258,5 m^2 là 129,25 m^2, thuộc thửa số 167, tờ bản đồ số 20, mục đích sử dụng đất thổ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 385884, ngày 27/11/2003;

½ phần diện tích 1485,9 m^2 là 742,95 m^2, thuộc thửa số 166, tờ bản đồ số 17, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 426034, ngày 09/12/2020;

½ diện tích 1505,5 m^2 là 752,75 m^2, thuộc thửa số 167, tờ bản đồ số 17, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 426035, ngày 09/12/2020;

½ phần diện tích 1609,1 m^2 là 804,55 m^2, thuộc thửa số 168, tờ bản đồ số 17, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 426036, ngày 09/12/2020.

Nay bà Trần Thị E yêu cầu:

½ diện tích 258,5 m^2 là 129,25 m^2 thuộc quyền sử dụng đất của bà E, diện tích đất 129,25 m^2 là di sản thừa kế, thuộc thửa số 167, tờ bản đồ số 20 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 385884, ngày 27/11/2003. Chia thành 03 phần, mỗi người được hưởng một phần bằng nhau, gồm: Trần Thị E, Nguyễn Thị Tuyết M và Nguyễn Thị Thu B. Bà E đồng ý trả lại giá trị di sản thừa kế cho chị Nguyễn Thị Tuyết M và bà Nguyễn Thị Thu B.

Bà Trần Thị E có đơn rút yêu cầu giải quyết các thửa 166, tờ bản đồ số 17, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền

với đất số CY 426034, ngày 09/12/2020; thửa số 167, tờ bản đồ số 17, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 426035, ngày 09/12/2020; thửa số 168, tờ bản đồ số 17 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 426036, ngày 09/12/2020.

Yêu cầu hộ bà M *(gồm bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Lâm Văn L, chị Lâm Thị Tuyết N, chị Lâm Thị Tuyết N1, chị Lâm Thị Tuyết N2, chị Lâm Thị Tuyết N3)* di dời nhà trả cho bà E diện tích đất 258,5 m^2 thuộc thửa số 167, tờ bản đồ số 20 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa W 385884, số vào sổ cấp GCN:00820 QSDĐ/613/QĐ-UB, ngày 27/11/2003 do hộ bà E đứng tên quyền sử dụng đất. Bà Trần Thị E đồng ý trả giá trị căn nhà cho hộ bà M là 100.000.000đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh Triệu Trọng Đ đại diện cho bà E yêu cầu hộ bà M trả lại diện tích đất 127,85 m^2, còn lại diện tích đất 127,85 m^2 di sản thừa kế chia làm ba phần gồm bà E hưởng diện tích 42,6 m^2, bà M hưởng diện tích 42,6 m^2 và bà T1 Ba hưởng diện tích 42,6 m^2. Bà E yêu cầu nhận đất và trả giá trị cho bà M, bà Thu B.

Anh Đ thống nhất biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh; sơ đồ đo đạc ngày 08/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C) và giá đất 400.000đồng/m^2.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M do Trần Huỳnh V đại diện trình bày:* Cha bà M là ông Nguyễn Văn N4 (chết năm 1967) và mẹ bà Trần Thị E. Bà E và ông Nguyễn Văn N4 có ba người con gồm: Nguyễn Thị Tuyết M, Nguyễn Thị Thu B và Nguyễn Văn Hùng V1 (chết năm 1989, ông V1 không vợ con).

Khi còn nhỏ bà M sống chung với bà E. Năm 1985, bà M có chồng. Từ năm 1996 đến năm 2005, bà M sinh sống ở tỉnh Đồng Nai. Năm 2005, vợ chồng bà M về sống chung nhà bà Trần Thị E tại thửa đất đang tranh chấp. Đến năm 2015, hộ bà M chuyển hộ khẩu nhập vào hộ khẩu của bà E.

Nguồn gốc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 20 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 385884, số vào sổ cấp GCN 0082 QSDĐ/613/QĐ-UB, ngày 27/11/2003 do hộ Trần Thị E đứng tên do ông bà để lại cho bà E và ông N4. Ông N4 chết không để lại di chúc. Đầu năm 2020, do bà E lớn tuổi, khó tính nên không sống chung với bà M, bà E đến sống chung với bà B từ đầu năm 2020 đến nay. Hiện nay, bà M đang quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp. Nay yêu cầu được sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp, đồng ý chia diện tích đất tranh chấp làm ba phần bằng nhau cho bà E, bà M và bà B. Bà M yêu cầu nhận đất và đồng ý trả giá trị đất cho bà E và bà Thu B.

Anh Trần Huỳnh Võ thống n biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh; sơ đồ đo đạc ngày 08/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C) và giá đất 800.000đồng/m^2.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu B trình bày:* Diện tích đất 258,5 m^2 đo thực tế 255,7 m^2 thuộc thửa số 167, tờ bản đồ số 20 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa W 385884, số vào sổ cấp

GCN:00820 QSDĐ/613/QĐ-UB, ngày 27/11/2003 do hộ bà E đứng tên quyền sử dụng đất, đất tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Cụ thể: ½ diện tích đất 255,7 m^2 là 127,85 m^2 là tài sản của bà E, ½ diện tích đất 255,7 m^2 là 127,85 m^2 là di sản chia làm ba phần cho bà E, bà M và bà B, mỗi người diện tích đất 42,6 m^2, bà B yêu cầu nhận giá trị.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn L, chị Lâm Thị Tuyết N, chị Lâm Thị Tuyết N1, chị Lâm Thị Tuyết N2, chị Lâm Thị Tuyết N3, do anh Trần Huỳnh V đại diện trình bày:* Đồng ý theo ý kiến của bà Nguyễn Thị Tuyết M.

Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Cao Lãnh đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà E về tranh chấp quyền sử dụng đất và chia thừa kế.

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết M trả cho bà E giá trị diện tích đất 127,85 m^2 là tài sản của bà E, tại thửa 167, tờ bản đồ số 20 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành W 385884, số vào sổ cấp GCN: 00820 QSDĐ/613/QĐ-UB, ngày 27/11/2003 do hộ bà Trần Thị E đứng tên, tọa lạc tại ấp T, xã T, thành phố C, trị giá số tiền 102.280.000 đồng (127,85 m^2 x 800.000 đồng/m^2 = 102.280.000 đồng);

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà E, bà E được chia thừa kế giá trị diện tích 42,6 m^2 tại thửa 167, tờ bản đồ số 20 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành W 385884, số vào sổ cấp GCN: 00820 QSDĐ/613/QĐ-UB, ngày 27/11/2003 do hộ bà Trần Thị E đứng tên, tọa lạc tại ấp T, xã T, thành phố C, trị giá số tiền 34.080.000đồng (42,6 m^2 x 800.000 đồng/m^2 = 34.080.000 đồng);

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu B, bà Thu B được chia thừa kế giá trị diện tích 42,6 m^2 tại thửa 167, tờ bản đồ số 20 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành W 385884, số vào sổ cấp GCN: 00820 QSDĐ/613/QĐ-UB, ngày 27/11/2003 do hộ bà Trần Thị E đứng tên, tọa lạc tại ấp T, xã T, thành phố C, trị giá số tiền 34.080.000 đồng (42,6 m^2 x 800.000 đồng/m^2 = 34.080.000đồng);

Bà Nguyễn Thị Tuyết M được chia thừa kế diện tích đất 42,6 m^2 tại thửa 167, tờ bản đồ số 20 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành W 385884, số vào sổ cấp GCN: 00820 QSDĐ/613/QĐ-UB, ngày 27/11/2003 do hộ bà Trần Thị E đứng tên, tọa lạc tại ấp Tân Dân, xã Tân Thuận Tây, thành phố Cao Lãnh

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết M trả cho bà Trần Thị E giá trị thừa kế diện tích đất 42,6 m^2, trị giá số tiền 34.080.000đồng và trả cho bà Nguyễn Thị Thu B giá trị thừa kế diện tích đất 42,6 m^2, trị giá số tiền 34.080.000đồng

Bà Nguyễn Thị Tuyết M có trách nhiệm trả giá trị một cây xoài cho bà E, trị giá số tiền 1.800.000đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các

khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành W 385884, số vào sổ cấp GCN:00820 QSDĐ/613/QĐ-UB, ngày 27/11/2003 do hộ bà Trần Thị E đứng tên.

Bà Nguyễn Thị Tuyết M được quyền sử dụng đất diện tích đất 255,7 m^2 trong phạm vi các mốc B, 3, 4, 5, A trở về mốc B, tại thửa 167, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tọa lạc xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành W 385884, số vào sổ cấp GCN: 00820 QSDĐ/613/QĐ-UB, ngày 27/11/2003 do hộ bà Trần Thị E đứng tên và đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất và thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật *(kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh; sơ đồ đo đạc ngày 08/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C*.

Bà Nguyễn Thị Tuyết M được sở hữu một cây xoài do bà E trồng.

Đình chỉ giải quyết các thửa đất số 166, tờ bản đồ số 17 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 416034, số vào sổ cấp GCN: CS 02332, ngày 09/12/2020, thửa đất số 167, tờ bản đồ số 17 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 416035, số vào sổ cấp GCN: CS 02333, ngày 09/12/2020 và thửa đất số 168, tờ bản đồ số 17 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 416036, số vào sổ cấp GCN: CS 02334, ngày 09/12/2020 do hộ bà Trần Thị E đứng tên.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị E và bà M được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà T1 Ba phải chịu án phí số tiền 1.704.000đồng. Tiền án phí trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.077.000đồng theo biên lai thu án phí, lệ phí tòa án số 0005445, ngày 11/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Bà T1 Ba phải nộp tiếp số tiền 627.000đồng án phí sơ thẩm.

Tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị E đã được miễn theo thông báo số 13/TB-TA, ngày 23/3/2021 và thông báo số 396/TB-TA, ngày 02/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh nên không được nhận.

Về chi phí tố tụng *(xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá)*:

Bà Nguyễn Thị Thu B và bà Nguyễn Thị Tuyết M mỗi người có trách nhiệm trả lại cho bà E số tiền 1.024.000đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27 tháng 9 năm 2022, bà Trần Thị E kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 94/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà E.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn (do anh Đ đại diện) và bị đơn (do anh V đại diện) đã thỏa thuận được với nhau như sau: Bà Nguyễn Thị Tuyết M tự nguyện tháo dỡ di dời toàn bộ tài sản vật kiến trúc để giao trả cho bà Trần Thị E diện tích 129,7m^2, trong phạm vi các mốc B, 8, 3, 9, 4, 17, 16, 15 ,14, 13 trở về mốc B thuộc một phần thửa số 167, tờ bản đồ số 20, đất tọa lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 94/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo bà Trần Thị E đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bà Trần Thị E yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà E, buộc bà M trả diện tích đất 255,7m^2 tại thửa 167, tờ bản đồ số 20, tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp trực tiếp quản lý, sử dụng. Bà E đồng ý trả giá trị di sản cho bà M và bà B theo quy định của pháp luật; bà E trả giá trị căn nhà, cây trồng cho bà M theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận thấy, nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ông N4 cho sử dụng (năm 2005, ông Nguyễn Thanh T2 là anh ông Nguyễn Văn N4 làm giấy cho đất) diện tích đất lúa 4.600,5m^2 và diện tích đất thổ cư 258,5m^2, tọa lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi ông N4 chết, bà E tiếp tục quản lý và sử dụng toàn bộ phần diện tích đất. Năm 2002, bà E đi đăng ký và được Ủy ban nhân dân thị xã C (nay là thành phố C) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó bà E làm thủ tục tách thửa và được cấp quyền sử dụng đất cụ thể: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số

CY 416034, số vào sổ cấp GCN: CS 02332, ngày 09/12/2020, diện tích 1.485,9 m^2, thuộc thửa số 166, tờ bản đồ số 17; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 416035, số vào sổ cấp GCN: CS 02333, ngày 09/12/2020, diện tích 1.505,5 m^2, thuộc thửa số 167, tờ bản đồ số 17; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 416036, số vào sổ cấp GCN: CS 02334, ngày 09/12/2020, diện tích 1.609,1 m^2, thuộc thửa số 168, tờ bản đồ số 17. Đối với thửa đất đang tranh chấp số 167, tờ bản đồ số 20. Năm 1997, hộ bà Trần Thị E được cấp quyền sử dụng đất diện tích 258,5 m^2, thửa số 167, tờ bản đồ số 20, tọa lạc ấp T, xã T, thành phố C theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: 00891/QSDĐ/T1, ngày 05/3/1997. Năm 2003, hộ bà Trần Thị E đổi giấy cấp thành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành W 385884, số vào sổ cấp GCN: 00820 QSDĐ/613/QĐ-UB, ngày 27/11/2003 do hộ bà Trần Thị E đứng tên. Do đó đủ cơ sở xác định diện tích đất tranh chấp là của bà E.

Xét thấy: Bà M, ông L có văn ý kiến đề ngày 02/8/2023 đồng ý giao trả cho bà E ½ diện tích đất tranh chấp. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết nội dung vụ án cụ thể: Bà Nguyễn Thị Tuyết M tự nguyện tháo dỡ di dời toàn bộ tài sản vật kiến trúc để giao lại cho bà Trần Thị E diện tích 129,7m^2, trong phạm vi các mốc B, 8, 3, 9, 4, 17, 16, 15 ,14, 13 trở về mốc B thuộc một phần thửa số 167, tờ bản đồ số 20, đất tọa lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Hội đồng xét xử, xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do vậy chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị E, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Hộ bà Nguyễn Thị Tuyết M tự nguyện tháo dỡ di dời toàn bộ tài sản, vật kiến trúc để giao trả lại cho bà Trần Thị E diện tích 129,7m^2, trong phạm vi các mốc B, 8, 3, 9, 4, 17, 16, 15 ,14, 13 trở về mốc B thuộc một phần thửa số 167, tờ bản đồ số 20, đất tọa lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Về án phí các đương sự thống nhất chịu theo quy định của pháp luật.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí:

Do chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị E nên bà Trần Thị E không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử, chấp nhận một phần kháng cáo bà Trần Thị E. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 94/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị E.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Hộ bà Nguyễn Thị Tuyết M tự nguyện tháo dỡ di dời toàn bộ tài sản vật kiến trúc để giao lại cho bà Trần Thị E diện tích 129,7m^2, trong phạm vi các mốc B, 8, 3, 9, 4, 17, 16, 15 ,14, 13 trở về mốc B thuộc một phần thửa số 167, tờ bản đồ số 20, đất tọa lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị Tuyết M được quyền sử dụng đất diện tích đất 127,8m^2, trong phạm vi các mốc 13, 14, 15, 16, 17, 5, A trở về mốc 13 thuộc một phần thửa 167, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tọa lạc xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại quyền sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh; sơ đồ đo đạcsố 20/SĐ.ĐĐ/VP.ĐKĐĐTPCL 2023 ngày 13/7/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C).

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu B, bà Thu B được chia thừa kế giá trị diện tích 42,6 m^2 tại thửa 167, tờ bản đồ số 20 số tiền 34.080.000đồng (42,6 m^2 x 800.000đồng/m^2 = 34.080.000đồng);

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết M trả cho bà Nguyễn Thị Thu B giá trị thừa kế diện tích đất 42,6 m^2, số tiền 34.080.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm trả với mức lãi suất mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Đình chỉ giải quyết các thửa đất số 166, tờ bản đồ số 17 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 416034, số vào sổ cấp GCN: CS 02332, ngày 09/12/2020, thửa đất số 167, tờ bản đồ số 17 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 416035, số vào sổ cấp GCN: CS 02333, ngày 09/12/2020 và thửa đất số 168, tờ bản đồ số 17 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 416036, số vào sổ cấp GCN: CS 02334, ngày 09/12/2020 do hộ bà Trần Thị E đứng tên.

Về án phí dân sự:

Bà Trần Thị E và bà M được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Bà T1 Ba phải chịu 1.704.000đồng tiền án phí sơ thẩm. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.077.000đồng theo biên lai thu án phí, lệ phí tòa án số 0005445, ngày 11/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Bà T1 Ba phải nộp tiếp số tiền 627.000đồng.

Về chi phí tố tụng *(xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá):*

Bà Nguyễn Thị Thu B và bà Nguyễn Thị Tuyết M mỗi người có trách nhiệm nộp số tiền 1.024.000đồng để hoàn trả cho bà E.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh ĐT;
- TAND TP. Cao Lãnh;
- CCTHADS TP. Cao Lãnh;
- Phòng GĐKTNV và THA;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (T)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Mỹ